

Bản án số: 264/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Nâu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Đình Đạt

Ông Đặng Thiên Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXX-ST ngày 15/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/6/2000 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn Đ, sinh ngày 21/7/1994 (Vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Đ làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 12/2020 anh Đ đi lao động tại Đài Loan để cải thiện kinh tế gia đình. Tháng 7/2022 chị cũng sang Đài Loan làm việc. Thời gian mới sang vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên ngày 23/01/2024 chị về nước sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phát

triển kinh tế. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Hà Minh V, sinh ngày 31/10/2018 và cháu Hà Tiến Đ1, sinh ngày 13/10/2020, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao các con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Hà Văn Đ là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản làm việc ngày 08/7/2024 và 18/7/2024, bà Nguyễn Thị H là mẹ anh Hà Văn Đ cho biết.

Về hôn nhân của anh Đ, chị T bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị T về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 12/2020 anh Đ sang Đài Loan lao động, tháng 7/2022 chị T cũng sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan anh, chị vẫn hòa thuận nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên tháng 01/2021 chị T về nước sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo nhưng không được.

Về con chung: anh Đ, chị T có 02 con chung là cháu Hà Minh V, sinh ngày 31/10/2018 và cháu Hà Tiến Đ1, sinh ngày 13/10/2020, hiện nay cháu V, Đ1 đang sinh sống cùng chị T.

Ngoài ra bà cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh Đ sinh sống cùng gia đình tại thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông đã thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị T và anh Đ thì được anh Đ cho biết: anh đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị giao cháu V, Đ1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh Đ không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hà Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị T; Biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị H là mẹ anh Hà Văn Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã

niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; xử:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V, Đ1 cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện xin ly hôn anh Đ và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 17586/QLXNC-P3 ngày 08/8/2024 của Cục Q - Bộ C cung cấp, anh Đ xuất cảnh gần nhất ngày 08/12/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh Đ được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh Đ là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị H (mẹ anh Đ) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Đ ở Việt Nam là: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh Đ biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hà Văn Đ. Gia đình anh Đ cho biết anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh Đ không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết

các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hà Văn Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T với anh Đ, Hội đồng xét xử thấy: Sau kết hôn anh Đ, chị T chung sống hòa thuận. Năm 2020 anh Đ sang Đài Loan lao động, năm 2022 chị T cũng sang Đài Loan lao động. Thời gian mới sang vợ chồng vẫn hoàn thuận nhưng sau đó một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo và bản thân anh, chị cũng đã chủ động nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng không được. Anh Đ hiện đang lao động tại nước ngoài, thông qua gia đình anh Đ cho biết anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh Đ, chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là cháu Hà Minh V, sinh ngày 31/10/2018 và cháu Hà Tiến Đ1, sinh ngày 13/10/2020. Hiện nay các con chung đang sinh sống cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T đề nghị giao các con chung cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao các con chung cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: Thông qua gia đình anh Đ cũng đồng ý giao các con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Mặt khác, anh Đ hiện đang lao động tại Đài Loan nên không đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị T từ khi về nước sinh sống đến nay các con chung vẫn sinh sống cùng chị T và do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các con chung phát triển ổn định cả về vật chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu V, Đ1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ đảm bảo hơn anh Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu V, Đ1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn của chị T là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Hà Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp anh Hà Văn Đ có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Hà Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa và đang lao động tại nước ngoài thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hà Văn Đ.

**2.** Về con chung: Giao cháu Hà Minh V, sinh ngày 31/10/2018 và cháu Hà Tiến Đ1, sinh ngày 13/10/2020 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Hà Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001347 ngày 27/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Hà Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Nâu**